

SỐ: 25.../TTr-HĐQT

Hà nội, ngày 13 tháng 5 năm 2020

PHƯƠNG ÁN PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2019

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng HUD3 đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên;
 - Căn cứ kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của đơn vị kiểm toán phát hành;
- Hội đồng quản trị Công ty HUD3 dự kiến trình Đại hội phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019 như sau:

STT	Nội dung	Đv	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2019	đ	21.753.832.025	
2	Thuế TNDN phải nộp	đ	5.073.052.785	
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019	đ	16.680.779.240	
4	Lợi nhuận sau thuế còn lại lũy kế từ các năm trước	đ	17.213.112.462	
5	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối năm 2019 (3+4)	đ	33.893.891.702	
5.1	Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	đ	1.467.700.000	
5.2	Trích Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp	đ	203.400.000	
5.3	Chi trả cổ tức bằng tiền 9%/VĐL (tương ứng 26,55% LNST được phân phối)	đ	8.999.949.600	
5.4	Lợi nhuận để lại chưa phân phối (tương ứng 68,51% LN được phân phối)	đ	23.222.842.102	

Mức chia cổ tức năm 2019 là 9%/vốn điều lệ, tương ứng 8.999.949.600 đ

Trong đó:

- Chi trả Tổng công ty HUD (51%): 4.589.974.296 đ
- Các cổ đông khác (49%): 4.409.975.304 đ

Hội đồng quản trị Công ty HUD3 kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
CÔNG TY CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
HUD3
Vương Đăng Phương

BẢNG CÔNG KHAI CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY HUD3
Năm 2019

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Giá trị	Ghi chú
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	344.328.921.402	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	38.661.957.776	
+ Tiền	28.661.957.776	
+ Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	146.656.676.269	
+ Phải thu ngắn hạn khách hàng	116.846.716.846	
+ Trả trước cho người bán	2.325.593.235	
+ Phải thu về cho vay ngắn hạn	6.574.421.000	
+ Phải thu ngắn hạn khác	29.866.280.570	
+ Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.956.335.382)	
III. Hàng tồn kho	156.070.925.537	
+ Hàng tồn kho	156.070.925.537	
IV. Tài sản ngắn hạn khác	2.939.361.820	
+ Thuế GTGT được khấu trừ	180.212.151	
+ Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	2.759.149.669	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	41.841.759.199	
I. Tài sản cố định	38.205.182.887	
+ Nguyên giá	54.432.403.373	
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(16.227.220.486)	
II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	696.616.816	
III. Đầu tư tài chính dài hạn	1.312.279.856	
+ Đầu tư dài hạn khác	2.610.000.000	
+ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.297.720.144)	
IV. Tài sản dài hạn khác	1.627.679.640	
+ Chi phí trả trước dài hạn	1.627.679.640	
C. NỢ PHẢI TRẢ	225.303.445.346	
I. Nợ ngắn hạn	225.303.445.346	
+ Phải trả người bán	10.849.922.256	
+ Người mua trả tiền trước ngắn hạn	22.710.701.455	
+ Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.598.516.750	
+ Phải trả người lao động	327.000.000	
+ Chi phí phải trả ngắn hạn	16.032.575.699	
+ Các khoản phải trả ngắn hạn khác	79.715.949.110	
+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	88.806.277.533	
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.262.502.543	



D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	160.867.235.255	
+ <i>Vốn góp của Chủ sở hữu</i>	99.999.440.000	
+ <i>Quỹ Đầu tư phát triển</i>	26.973.903.553	
+ <i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	33.893.891.702	
Trong đó		
+ <i>Lợi nhuận chưa phân phối năm trước còn lại</i>	17.213.112.462	
+ <i>Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này</i>	16.680.779.240	
E. CÁC QUỸ	31.236.406.096	
I. Quỹ Đầu tư phát triển	26.973.903.553	
+ <i>Số dư đầu kỳ</i>	26.973.903.553	
+ <i>Số trích trong kỳ</i>		
+ <i>Số đã chi trong kỳ</i>	0	
+ <i>Số dư cuối kỳ</i>	26.973.903.553	
II. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	4.262.502.543	
+ <i>Số dư đầu kỳ</i>	3.386.121.280	
+ <i>Số trích trong kỳ</i>	3.110.682.463	
+ <i>Số đã chi trong kỳ</i>	2.234.301.200	
+ <i>Số dư cuối kỳ</i>	4.262.502.543	
G. KẾT QUẢ KINH DOANH		
+Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	476.478.483.086	
+Giá vốn hàng bán	422.184.457.797	
+Doanh thu tài chính	9.784.398.858	
+Chi phí tài chính	10.059.422.028	
+Chi phí bán hàng	7.699.925.867	
+Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.665.871.594	
+Thu nhập khác	1.234.276.575	
+Chi phí khác	2.133.649.208	
+Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	21.753.832.025	
+Thuế TNDN phải nộp	5.073.052.785	
+Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	16.680.779.240	

Hà nội, ngày 13 tháng 5 năm 2020

LẬP BIỂU



Lại Huy Mạnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trịnh Duy Hoàn



GIÁM ĐỐC



Đinh/Hoàng Tùng